

Bản án số: 51/2023/DS-ST

Ngày: 25/7/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Vân

2. Bà Võ Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2022/TLST - DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44A/2023/QĐST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977.

Bà Ngô Thị Mọn C, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre

(Ông H ủy quyền cho bà M Chi)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Bà Lê Thị R, sinh năm 1952 (có mặt).

Cùng địa chỉ: số F, ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 11 năm 2022, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị Mọn C (đồng thời là đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H) trình bày:

Vào ngày 27/11/2021 (âm lịch) ông Nguyễn Thành P và mẹ là bà Lê Thị R có đến gặp bà và ông Nguyễn Văn H vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận thời gian vay là 05 tháng đến ngày 27/4/2022 (âm lịch) (nhằm ngày 27/5/2022 dương lịch) sẽ trả tiền, mục đích vay là để làm ăn kinh tế. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 6.000.000đồng/100.000.000đồng/tháng. Hai bên có lập biên nhận nợ tên “Biên nhận tiền” ông P và bà R có ký tên vào biên nhận tiền. Ông P và bà

R có đóng lãi cho bà và ông H nhưng không đóng đầy đủ và đến nay cũng không có thanh toán số tiền gốc 200.000.000 đồng cho bà và ông H khi đến hạn.

Tại phiên tòa, bà và ông Nguyễn Văn H yêu cầu ông Nguyễn Thành P và bà Lê Thị R có nghĩa vụ liên đới trả cho bà và ông H số tiền vay gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Bà và ông H yêu cầu tính lãi suất từ ngày 27/6/2022 (dương lịch) đến ngày tòa án xét xử là ngày 25/7/2023 là: $200.000.000\text{đồng} \times 0,833\%/tháng \times 12\text{ tháng} 28\text{ ngày} = 21.554.933\text{đ}$ (Hai mươi một triệu, năm trăm năm mươi bốn ngàn, chín trăm ba mươi ba đồng). Tổng cộng là: 221.554.933đ (Hai trăm hai mươi một triệu, năm trăm năm mươi bốn ngàn, chín trăm ba mươi ba đồng). Nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần.

Nguyên đơn bà C, ông H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi suất từ ngày 30/01/2022 đến ngày 26/6/2022 với số tiền 8.078.666đ (Tám triệu, không trăm bảy mươi tám ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Trong quá trình tố tụng, bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị R trình bày:

Vào ngày 27/11/2021 (âm lịch) bà và con trai là Nguyễn Thành P có đến gặp vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Ngô Thị Mọn C để vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Khi vay hai bên có lập “biên nhận tiền” bà và ông P có ký tên vào biên nhận tiền. Hai bên thỏa thuận thời gian vay là 05 tháng đến ngày 27/4/2022 (âm lịch) (nhằm ngày 27/5/2022 dương lịch) sẽ trả tiền, mục đích vay là để làm ăn kinh tế, nhưng thực tế số tiền mà ông P và bà vay là để cho anh P trả nợ cho người khác vì thương con nên bà mới đến gặp ông H, bà C vay tiền cùng ông P. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 6.000.000đ/100.000.000đ/tháng. Nhưng bà và ông P không có đóng lãi đầy đủ theo thỏa thuận. Số tiền này bà chỉ đứng ra làm chứng cho con tôi là P vay tiền, bà không có sử dụng số tiền này và bà cũng đã lớn tuổi không có làm gì ra tiền để trả tiền cho ông H, bà C. Do bà đã cùng ký tên vào biên nhận tiền để ông P vay tiền thì nay bà cũng đồng ý liên đới cùng với ông P trả tiền cho ông H, bà C.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị R đồng ý liên đới cùng ông Nguyễn Thành P trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Ngô Thị Mọn C số tiền vay gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 27/6/2022 (dương lịch) đến ngày tòa án xét xử là ngày 25/7/2023 là: $200.000.000\text{đồng} \times 0,833\%/tháng \times 12\text{ tháng} 28\text{ ngày} = 21.554.933\text{đ}$ (Hai mươi một triệu, năm trăm năm mươi bốn ngàn, chín trăm ba mươi ba đồng). Tổng cộng là: 221.554.933đ (Hai trăm hai mươi một triệu, năm trăm năm mươi bốn ngàn, chín trăm ba mươi ba đồng). Nhưng do bà là người cao tuổi, bị bệnh tim không làm ra kinh tế nên bà xin được trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, còn số tiền lãi đã đóng trước đây không yêu cầu tòa án xem xét lại. Ông Nguyễn Thành P biết việc bà C, ông H khởi kiện yêu cầu trả nợ, ông P đồng ý trả nợ cho bà C, ông H nhưng do ông P đi làm xa không có về theo giấy triệu tập của tòa án.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Thành P vắng mặt không lý do

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thành P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thành P.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bà Ngô Thị Mọn C rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi 8.078.666đ (Tám triệu, không trăm bảy mươi tám ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[3] Về nội dung: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Lê Thị R thừa nhận vào ngày 27/11/2021 (âm lịch) bà và con trai là ông Nguyễn Thành P có vay tiền của bà Ngô Thị Mọn C, ông Nguyễn Văn H số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) đến nay chưa thanh toán. Khi vay có lập giấy vay tiền tên “Biên nhận tiền” bà R và ông P có ký tên vào giấy biên nhận tiền. Bà R và ông P đồng ý trả số tiền vay gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) cho bà C, ông H. Đây là sự thừa nhận của bị đơn nên nguyên đơn bà C, ông H không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Mọn C, ông Nguyễn Văn H.

[4] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn bà C, ông H: Hai bên thỏa thuận trả tiền vào ngày 24/4/2022 (âm lịch) tức ngày 27/5/2022 (dương lịch) nhưng đến nay ông P, bà R vẫn chưa trả tiền cho ông H, bà C là vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 27/5/2022 đến nay, do đó ông H, bà C yêu cầu tính lãi suất với mức lãi suất 0,833%/tháng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 27/6/2022 đến ngày tòa án xét xử là ngày 25/7/2023 nên bị đơn bà R, ông P phải có nghĩa vụ trả lãi từ ngày 27/6/2022 đến ngày 25/7/2023 là 12 tháng 28 ngày x 0,833%/tháng x 200.000.000 đồng = 21.554.933đ (Hai mươi một triệu, năm trăm năm mươi bốn ngàn, chín trăm ba mươi ba đồng).

[5] Xét yêu cầu xin trả dần của bị đơn bà R không được nguyên đơn đồng ý nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: $221.554.933đ \times 5\% = 11.077.746đ$ (Mười một triệu, không trăm bảy mươi bảy ngàn, bảy trăm bốn mươi sáu đồng) do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C, ông H được chấp nhận nên bị đơn bà R và ông P phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà R là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 224, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Mọn C, ông Nguyễn Văn H. Buộc bị đơn bà Lê Thị R và ông Nguyễn Thành P1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ngô Thị Mọn C, ông Nguyễn Văn H tổng số tiền 221.554.933đ (Hai trăm hai mươi một triệu, năm trăm năm mươi bốn ngàn, chín trăm ba mươi ba đồng); trong đó tiền gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), tiền lãi là 21.554.933đ (Hai mươi một triệu, năm trăm năm mươi bốn ngàn, chín trăm ba mươi ba đồng).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bà Ngô Thị Mọn C yêu cầu bị đơn bà Lê Thị R, ông Nguyễn Thành P có nghĩa vụ liên đới trả số tiền lãi suất là 8.078.666đ (Tám triệu, không trăm bảy mươi tám ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 11.077.746đ (Mười một triệu, không trăm bảy mươi bảy ngàn, bảy trăm bốn mươi sáu đồng) bà Lê Thị R và ông Nguyễn Thành P có nghĩa vụ liên đới nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà Lê Thị R thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà Lê Thị R được miễn nộp số tiền án phí là 5.538.873đ (Năm triệu, năm trăm ba mươi tám ngàn, tám trăm bảy mươi ba đồng). Do đó, ông Nguyễn Thành P có nghĩa vụ nộp số tiền án phí là 5.538.873đ (Năm triệu, năm trăm ba mươi tám ngàn, tám trăm bảy mươi ba đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Ngô Thị Mọn C và ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.332.000đ (Năm triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, án phí số 0000430 ngày 14/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện B;*
- *THADS huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Văn Long